

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thiện và bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Dương Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tào Văn C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Tào Văn C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 27/12/1996. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Quá trình chung sống chị T và anh C đã hai lần sống ly thân, vì để anh C có cơ hội sửa chữa nên chị T đã quay lại chung sống, nhưng càng chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị T và anh C đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến

nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tào Văn C.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Tào Lê H, sinh ngày 03/11/1997 và cháu Tào Quang L, sinh ngày 16/5/2009, hiện nay cháu Tào Lê H đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 04/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Tào Văn C trình bày: Giữa bị đơn và nguyên đơn là chị Lê Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 27/12/1996. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi cọ nhau. Anh C và chị T đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh C không đồng ý.

Về con chung: Anh C khai vợ chồng có hai con chung, các cháu tên là Tào Lê H, sinh ngày 03/11/1997 và cháu Tào Quang L, sinh ngày 16/5/2009. Hiện nay cháu Tào Lê H đã thành niên nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh, hiện nay anh đang làm giáo viên tại trường tiểu học thị trấn H, thu nhập hàng tháng là 8.292.944 đồng.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đường sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh C, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về án phí chị T và anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có khiếu nại về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng đều đúng quy định theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Tào Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi cọ nhau. Kết quả xác minh ngày 05/11/2021 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H cho thấy: quá trình chung sống, chị T và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Như vậy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh C luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột dẫn đến vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C thừa nhận vợ chồng có 02 con chung, các cháu tên là Tào Lê H, sinh ngày 03/11/1997 và cháu Tào Quang L, sinh ngày 16/5/2009. Hiện nay cháu Tào Lê H đã thành niên, anh C và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Cả anh C và chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L, tuy nhiên kể từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, mức yêu cầu cấp dưỡng của chị T là phù hợp với mức bình quân tại địa phương nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh Tào Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Tào Văn C.

2. Về con chung: Công nhận các cháu Tào Lê H, sinh ngày 03/11/1997 và cháu Tào Quang L, sinh ngày 16/5/2009 là con chung của chị T và anh C. Giao cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 12 năm 2021 cho đến khi cháu Lâm đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004209 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Tào Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thanh Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện

Nguyễn Thị Liên

Trịnh Thanh Hương

